

Trà Vinh, ngày 28 tháng 4 năm 2023

Số: 354/BC-BCĐ

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Kiện toàn bộ máy, ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn

Năm 2022, là năm đầu tiên triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2021 – 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG và Phong trào Toàn dân ĐKXDĐSVH tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025 với 33 thành viên, đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban, đồng thời kiện toàn Văn phòng Điều phối NTM tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025 với 06 viên chức chuyên trách và 22 công chức kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh đó, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ đạo tỉnh ban hành nhiều văn bản quan trọng chỉ đạo thực hiện Chương trình, gồm có: 02 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; 15 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; 02 Quyết định, 02 Kế hoạch của Ban Chỉ đạo tỉnh. Theo đó, các sở, ngành tỉnh, các địa phương làm căn cứ xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện. Tương tự, tất cả các huyện, xã đã thành lập Ban Chỉ đạo trên cơ sở của cấp tỉnh.

(Đính kèm Phụ lục số 01)

2. Công tác truyền thông, thông tin tuyên truyền

Các cấp ủy, chính quyền và các ngành đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền về các nội dung, ý nghĩa của việc thực hiện các Chương trình MTQG và phong trào đến với người dân; nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, ý nghĩa, nội dung các tiêu chí NTM, tiêu chuẩn xây dựng gia đình văn hóa, NTM, ấp văn hóa, ấp NTM. Các Sở, Ban, ngành tỉnh tập trung lồng ghép tuyên truyền, hướng dẫn các địa phương thực hiện các tiêu chí NTM thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành phụ trách, kết quả đã tuyên truyền được 14.640 cuộc, với 736.377 lượt người tham dự.

Ban Chỉ đạo cấp huyện, xã đã tổ chức lồng ghép, tuyên truyền được 1.223 cuộc, với 25.175 lượt người tham dự. Các nội dung tuyên truyền, vận động chủ yếu là về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hiện xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và xây dựng đời sống văn hóa; nội dung thực hiện 19 tiêu chí xã NTM; 19 tiêu chí xã NTM nâng cao; 09 tiêu chí huyện NTM và huyện NTM nâng cao; xã NTM kiểu mẫu; các tiêu chuẩn áp văn hóa, áp NTM; tiêu chuẩn gia đình văn hóa, NTM; vận động chỉnh trang cảnh quan môi trường; xây dựng hồ xí hợp vệ sinh, xây dựng hàng rào cây xanh, phát hoang bụi rậm các tuyến đường giao thông nông thôn,...

(Đính kèm Phụ lục số 02)

3. Công tác tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ các cấp

Văn phòng Điều phối NTM tỉnh đã tổ chức tập huấn tuyên truyền, nâng cao năng lực cho cán bộ các cấp, với 51 lớp, có hơn 1.500 lượt người tham dự (*đối tượng: Ban Chỉ đạo huyện, xã*). Bên cạnh đó, Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức 68 lớp, với 2.040 người tham dự (*đối tượng: Ban phát triển áp và người dân*), đã góp phần nâng cao năng lực hơn nữa cho đội ngũ cán bộ trong xây dựng NTM các cấp.

4. Công tác kiểm tra, giám sát

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Đoàn kiểm tra để tiến hành kiểm tra Ban Thường vụ Huyện ủy Trà Cú về thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025 và các Nghị quyết khác liên quan.

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các sở, ngành tỉnh tổ chức rà soát kết quả xây dựng NTM và tổ chức thẩm định xã NTM (03 xã: Ngãi Xuyên, Kim Sơn, Hàm Giang, huyện Trà Cú); xã NTM nâng cao (11 xã: xã Long Khánh, huyện Duyên Hải; xã Hiếu Trung, huyện Tiểu Cần; xã Long Hữu, Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải; xã Châu Điền, Hòa Tân, huyện Cầu Kè; xã Phương Thạnh, Mỹ Cẩm, huyện Càng Long; Hưng Mỹ, Hòa Minh, Lương Hòa A, huyện Châu Thành); xã NTM kiểu mẫu (03 xã: An Phú Tân, huyện Cầu Kè; An Trường, huyện Càng Long; xã Long Đức, thành phố Trà Vinh). Thường xuyên khảo sát thực tế kết quả, kiểm tra tiến độ xây dựng huyện NTM đối với 2 huyện Cầu Ngang và Duyên Hải; tổ chức rà soát kết quả xây dựng xã NTM theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 – 2025. Bên cạnh đó, phối hợp tổ chức rà soát kết quả thực hiện 09 tiêu chí huyện NTM nâng cao theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Cầu Kè và Tiểu Cần.

Qua các đợt kiểm tra, giám sát góp phần hỗ trợ Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố khắc phục các tồn tại, hạn chế và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU

1. Tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM

Nhằm học hỏi kinh nghiệm về cách thức xây dựng hồ sơ, các bước thực hiện xây dựng tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. UBND tỉnh đã tổ chức đoàn tham quan, học tập kinh nghiệm về xây dựng tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM tại tỉnh Hà Nam và Nam Định. Sau khi tham quan, học tập, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu xây dựng Đề án “Xây dựng tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM” thời gian hoàn thành trước năm 2025 trình Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 09/12/2022. Bên cạnh đó, UBND tỉnh đang xây dựng kế hoạch chi tiết để chính thức bắt đầu triển khai thực hiện trong năm 2023.

2. Huyện nông thôn mới

Toàn tỉnh có 06/9 đơn vị cấp huyện (*huyện Tiểu Cần, Cầu Kè, Càng Long, Châu Thành, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh*) được Thủ tướng Chính phủ Quyết định công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Theo kế hoạch năm 2022, có 02 huyện đăng ký đạt chuẩn NTM (huyện Cầu Ngang và Duyên Hải). Qua rà soát, đánh giá, kết quả thực hiện các tiêu chí huyện NTM, đến nay Cầu Ngang và Duyên Hải đạt 9/9 tiêu chí huyện NTM theo Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh (*Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ*). Đoàn Thẩm định Trung ương đã đến khảo sát, đánh giá và góp ý, UBND tỉnh đã hoàn chỉnh hồ sơ theo góp ý và chính thức trình Trung ương quyết định công nhận (*đang chờ Hội đồng thẩm định Trung ương họp bỏ phiếu trình Thủ tướng Chính phủ công nhận, dự kiến trong tháng 4/2023*).

(Đính kèm Phụ lục số 03)

3. Xã nông thôn mới

Toàn tỉnh có 82/85 xã đạt chuẩn NTM, chiếm tỷ lệ 96,47% (*bình quân tiêu chí đạt 19 tiêu chí/xã theo Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2016 – 2020; 17 tiêu chí/xã theo Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021 – 2025*). Còn lại 03 xã: Ngãi Xuyên, Kim Sơn, Hàm Giang, huyện Trà Cú, đến nay, Đoàn Thẩm định của tỉnh đã tổ chức thẩm định, huyện, xã đã hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh (*dự kiến trong tháng 4/2023 trình UBND tỉnh công nhận*). Các xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 đang rà soát và xây dựng kế hoạch nâng chất theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 – 2025.

(Đính kèm Phụ lục số 04)

4. Xã Nông thôn mới nâng cao

Toàn tỉnh có 27 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, gồm: Xã Long Đức, TP. Trà Vinh; xã Tân Hùng, Phú Cần, Tân Hòa, Hùng Hòa, Long Thới, Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần; xã Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam, Hiệp Mỹ Đông, huyện Cầu Ngang; xã Thạnh Phú, Ninh Thới, Phong Phú, Tam Ngãi, Thông Hòa, An Phú Tân, huyện Cầu Kè; xã Long Vĩnh, Đông Hải, huyện Duyên Hải; xã An Trường, Nhị Long Phú, Đức Mỹ, Đại Phước, Tân Bình, huyện Càng Long; Ngọc Biên, Đại

An, huyện Trà Cú; xã Dân Thành, Long Toàn, thị xã Duyên Hải. Theo kế hoạch năm 2022, có thêm 10 xã đăng ký, 5 xã phấn đấu đạt chuẩn NTM nâng cao. Đến nay, có 11 xã đã gửi hồ sơ trình UBND tỉnh thẩm định, kết quả tỉnh đã thẩm định xong, đang thực hiện lấy ý kiến các sở, ngành, dự kiến trong tháng 4/2023 trình UBND tỉnh công nhận.

(Đính kèm Phụ lục số 06 và 07)

5. Xã NTM kiểu mẫu

Địa phương đã trình UBND tỉnh hồ sơ 03 xã (*An Phú Tân, huyện Cầu Kè; xã An Trường, huyện Càng Long và xã Long Đức, thành phố Trà Vinh*) và Đoàn thẩm định tỉnh đã thẩm định xong, đang thực hiện lấy ý kiến các sở, ngành, dự kiến trong tháng 4/2023 trình UBND tỉnh công nhận.

6. Ấp nông thôn mới

Toàn tỉnh có 632/641 ấp đạt chuẩn ấp văn hóa và ấp NTM (*tăng 24 ấp so với cuối năm 2021*), đạt 98,6%. Trong đó, có 55 ấp NTM kiểu mẫu (*tăng 47 ấp so với cuối năm 2021*), đạt 8,7%.

(Đính kèm Phụ lục số 08)

7. Hộ nông thôn mới

Toàn tỉnh có 219.690/229.784 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa, NTM, đạt 95,61% (*tăng 6.373 hộ so với cuối năm 2021*).

(Đính kèm Phụ lục số 08)

8. Kết quả huy động nguồn lực

Tổng nguồn lực huy động là: **1.106.738 triệu đồng**, trong đó:

- Nguồn vốn Trung ương: 124.160 triệu đồng
- Nguồn vốn địa phương (XSKT): 172.000 triệu đồng
- Nguồn vốn lồng ghép: 566.949 triệu đồng
- Nguồn vốn tín dụng: 87.718 triệu đồng
- Nguồn vốn doanh nghiệp: 49.304 triệu đồng
- Nguồn vốn dân đóng góp : 106.607 triệu đồng

(chủ yếu hiến đất, cây cối, hoa màu, ...).

Tính đến tháng 02/2023, kết quả giải ngân nguồn vốn là 203.361 triệu đồng, đạt 68,66% tổng vốn được phân bổ.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Quy hoạch xây dựng NTM

Trên địa bàn tỉnh hiện có 85/85 xã đã rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết xây dựng xã NTM, chiếm tỷ lệ 100%. Riêng đối với 27 xã NTM nâng cao, do qui định Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 (*có qui hoạch chi*

tiết trung tâm xã) nên các xã NTM nâng cao chưa đạt, dự kiến trong 2023 các xã này bổ sung qui hoạch chi tiết trung tâm xã để đạt tiêu chí theo qui định. Đến nay, có 83/85 xã đạt tiêu chí số 1 về quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021 – 2025, còn lại 02 xã chưa đạt gồm: Xã An Trường A, Đại Phúc, huyện Càng Long.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

Với sự hỗ trợ từ nguồn vốn của địa phương và lồng ghép các chương trình, dự án, BCD cấp huyện, xã tích cực vận động nhân dân hiến đất, cây cối, hoa màu, ngày công lao động để thực hiện các công trình cơ sở hạ tầng nhằm hoàn thiện từng tiêu chí, cụ thể:

- Về giao thông: Tranh thủ nhiều nguồn vốn từ Bộ, ngành Trung ương triển khai đầu tư xây dựng trên 56 dự án (*tổng chiều dài đường trên 952,79 km và 140 cầu*). Sở GTVT đã kiểm tra, đánh giá và công nhận 75/85 xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông đối với xã NTM, còn lại 10 xã chưa đạt gồm: Xã Long Thới, Hùng Hòa, Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần; xã Tân Bình, Bình Phú, Nhị Long, Đại Phước, huyện Càng Long; xã An Quảng Hữu, Thanh Sơn, Định An, huyện Trà Cú, chiếm tỷ lệ 88,23%; công nhận 28/85 xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông đối với xã NTM nâng cao, chiếm tỷ lệ 32,94%. Hiện nay, Sở GTVT đang tiếp tục rà soát, kiểm tra các xã còn lại để công nhận xã đạt tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao và huyện NTM theo Bộ tiêu chí mới của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 (*Theo Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh*). Ngoài ra, trong năm còn triển khai thực hiện 27 công trình duy tu, sửa chữa trên các tuyến đường tỉnh, đường huyện từ nguồn vốn ngân sách tỉnh và vốn ngân sách trung ương cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương từ nguồn thu phí đường bộ, với tổng mức đầu tư trên 84 tỷ đồng, trong đó sửa chữa 67,609 km đường và 01 cầu, tạo điều kiện để các xã và huyện Cầu Ngang, huyện Duyên Hải đạt tiêu chí số 2 về giao thông trong xây dựng xã nông thôn mới, xã NTM nâng cao và huyện NTM trong năm 2022 theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

- Về Thủy lợi: Trong năm, đã đầu tư xây dựng nạo vét 84 tuyến kênh cấp II, sửa chữa và thay mới 10 cửa cống, sửa chữa khắc phục sụt lún 03 tuyến đê kè; đầu tư xây dựng 499 công trình, bao gồm: Tu bổ, gia cố 40 bờ bao; nâng cấp, sửa chữa 18 bọng; nạo vét 441 tuyến kênh cấp III, với 98.319 triệu đồng. Đến nay, có 85/85 xã đạt tiêu chí số 3 về Thủy lợi thuộc Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021 - 2025.

- Về Điện: Nhằm nâng cao tỷ lệ hộ sử dụng điện trên địa bàn các xã xây dựng NTM đạt tiêu chí số 4 về điện nông thôn, Sở Công Thương chỉ đạo Công ty Điện lực Trà Vinh tranh thủ nguồn kinh phí đã được Tổng công ty Điện lực miền Nam phân bổ trong năm 2022 thực hiện chủ trương xóa dần việc bán điện qua hình thức câu phụ (câu đuôi, kéo chuyen, chia hơi), tiến tới bán điện trực tiếp đến từng hộ sử dụng điện qua công tơ chính của ngành điện với kế hoạch xóa câu phụ cho 5.734 hộ, với suất đầu tư bình quân không quá 06 triệu

đồng/hộ. Đến nay, có 85/85 xã đạt tiêu chí 4 về điện thuộc Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021 - 2025.

- Về Trường học: Sở Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường trực thuộc tiêu chuẩn và hồ sơ thủ tục thực hiện rà soát, tự đánh giá hiện trạng về mức độ đạt cơ sở vật chất theo tiêu chuẩn quy định hiện hành. Năm 2022, có 19 trường được công nhận và tái công nhận đạt chuẩn quốc gia (01 trường Mầm non, 06 trường tiểu học, 06 trường THCS và 06 trường THPT). Nâng tổng số toàn tỉnh hiện có 162/402 (tỉ lệ 40,3%) trường đạt chuẩn quốc gia¹. Ngoài ra, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tích cực chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo và các trường THPT thuộc huyện Cầu Ngang và huyện Duyên Hải thực hiện hoàn thành nhiệm vụ tham gia xây dựng huyện đạt NTM đối với các tiêu chí do ngành giáo dục phụ trách. Đến nay, có 82/85 xã đạt tiêu chí số 5 về Trường học thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, còn lại 03 xã chưa đạt gồm: Xã An Trường A, Đại Phúc, Huyện Hội, huyện Càng Long. Lý do các xã này chưa đạt là do chưa đầu tư nâng chất tiêu chí theo Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021 - 2025.

- Về Cơ sở vật chất văn hóa: Thực hiện Quyết định số 1959/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân công các sở, ban, ngành phụ trách hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025; ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức triển khai thực hiện tiêu chí 06 (*Cơ sở vật chất văn hóa*) và tiêu chí 16 (*Văn hóa*) theo Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025. Trong năm 2022, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được phân bổ kinh phí từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM là 1,2 tỷ đồng. Hiện nay, Sở đã lập xong thủ tục, hồ sơ và chờ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh để đầu tư cho 14 xã trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030. Đến nay, toàn tỉnh hiện có 752/756 ấp, khóm văn hóa (còn lại 4 khóm chưa đạt do tỷ lệ hộ nghèo cao không đảm bảo tiêu chí công nhận); 85/85 xã văn hóa nông thôn mới; 19/21 phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh (*trong đó có 17 đơn vị được công nhận theo Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24/01/2013 của Bộ VHTTDL; 02 đơn vị được công nhận theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ*), còn lại 2 đơn vị là thị trấn Định An, huyện Trà Cú và phường 9, TP Trà Vinh chưa đáp ứng đầy đủ các quy định theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ nên chưa được công nhận; 103/106 nhà văn hóa xã, phường, thị trấn và 753/756 nhà văn hóa ấp, khóm (còn lại 03 nhà văn hóa xã, phường, thị trấn và 03 khóm chưa có nhà văn hóa là do chưa có quỹ đất để xây dựng); 1.162/1.200 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt

¹ Chia ra: 13 trường mẫu giáo (14,1%), 7 trường mầm non (36,8%), 88 trường tiểu học (55%), 32 trường THCS (32,3%) và 22 trường THPT (62,9%).

chuẩn văn hóa; 08 Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao (*Nhà Văn hóa*) cấp huyện. Đến nay, có 83/85 xã đạt tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa, còn lại 02 xã chưa đạt gồm: Bình Phú và Tân Bình, huyện Càng Long; 84/85 xã đạt tiêu chí số 16 về Văn hóa, còn lại xã Bình Phú, huyện Càng Long chưa đạt tiêu chí này. Lý do các xã chưa đầu tư nâng chất tiêu chí theo Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021 - 2025.

- Về Thông tin và Truyền thông: Các tiêu chí thuộc ngành thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng theo Bộ tiêu chí về xã có điểm phục vụ bưu chính; có dịch vụ viễn thông, Internet; hệ thống đài Truyền thanh cơ sở và hệ thống loa đến các ấp; có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, cụ thể: 85/85 xã trên địa bàn tỉnh đều có điểm phục vụ bưu chính, cơ bản đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về điểm phục vụ bưu chính theo quy định tại Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông, các xã được cung cấp các dịch vụ điện thoại cố định mặt đất, di động mặt đất, dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định và băng rộng di động; 100% xã đã được phát triển và phủ sóng mạng thông tin di động 2G/3G/4G, có hệ thống truyền thanh cơ sở (đài truyền thanh không dây và hệ thống loa đến ấp), đảm bảo phục vụ tốt cho công tác thông tin tuyên truyền của địa phương, có hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng các điều kiện trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của chính quyền địa phương. Hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ <http://dichvucong.travinh.gov.vn> đã triển khai đến 100% cơ quan hành chính nhà nước gồm: 18/19 sở, ban, ngành²; 09/09 huyện, thị xã, thành phố và 106/106 xã/phường/thị trấn trên địa bàn toàn tỉnh. 100% cán bộ công chức, viên chức của xã được trang bị máy tính để làm việc; 100% UBND cấp xã được trang bị máy tính kết nối mạng LAN. Hệ thống mạng LAN được duy trì ổn định, kết nối mạng Internet cấp quang tốc độ cao, đảm bảo cho việc quản lý, điều hành qua môi trường mạng. Hộp mail công vụ (thư điện tử), chứng thư số, iOffice đã được triển khai 100% tại các xã, phường, thị trấn; 100% cán bộ, công chức, bộ phận chuyên môn của xã được cấp tài khoản hộp thư điện tử công vụ trao đổi công việc,... giúp cho công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của địa phương được nhanh chóng, thuận lợi, hiệu quả. Đến nay, có 85/85 xã đạt tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông thuộc Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021 – 2025.

- Về Y tế: Sở Y tế đã triển khai thực hiện Dự án “Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở”; Dự án thành phần tỉnh Trà Vinh (2020 – 2024, đã đầu tư xây mới 11 Trạm Y tế, nâng cấp cải tạo 18 Trạm Y tế và mua sắm trang thiết bị. Tổng vốn đầu tư: 115.013.800.000 đồng; nguồn vốn: Vay vốn Ngân hàng thế giới (WB) và Ngân sách tỉnh đối ứng. Kết quả đã hoàn thành xây mới 06 Trạm Y tế xã (Hưng Mỹ, Lương Hòa A huyện Châu Thành; Mỹ Long Bắc huyện Cầu Ngang; Hàm Giang, Kim Sơn huyện Trà Cú và Phú Cần huyện Tiểu Cần), với tổng kinh phí đầu tư 23,4 tỷ đồng. Đến nay, có 53/85 xã đạt tiêu chí số 15 về Y tế thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, còn lại 32 xã chưa đạt gồm: Xã

² Ban Dân tộc tỉnh không triển khai do không có thù tục.

Đa Lộc, Lương Hòa, huyện Châu Thành; xã An Trường, Nhị Long Phú, Tân Bình, An Trường A, Bình Phú, Đại Phước, Đại Phúc, Đức Mỹ, huyện Càng Long; xã Phú Cần, Tập Ngãi, Hiếu Tử, Long Thới, Tân Hòa, Tân Hùng, Hùng Hòa, Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần; Tân Sơn, Ngọc Biên, Phước Hưng, Tập Sơn, An Quảng Hữu, Lưu Nghiệp Anh, Thanh Sơn, Hàm Tân, Đại An, Định An, Long Hiệp, Tân Hiệp, huyện Trà Cú; xã Ngũ Lạc, Đôn Xuân, huyện Duyên Hải. Lý do các xã này chưa đạt là do chưa đầu tư nâng chất tiêu chí theo Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021 - 2025.

- Về Môi trường và an toàn thực phẩm: Triển khai thực hiện 03 mô hình giảm thiểu, thu gom chất thải nhựa trên địa bàn huyện Cầu Ngang và huyện Duyên Hải thuộc dự án Điều tra hiện trạng phát sinh rác thải nhựa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và đề xuất biện pháp giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế phù hợp với điều kiện kinh tế Trà Vinh: (1) Mô hình triển khai tại 04 Trường học (Trường THCS Đôn Xuân, Trường Tiểu học Đôn Xuân A, Trường Tiểu học Đôn Xuân B và Trường Mầm non Đôn Xuân – xã Đôn Xuân, huyện Duyên Hải); (2) Mô hình thí điểm giảm thiểu rác thải nhựa và kết nối với mô hình thu gom rác thải nhựa tại Chợ thị trấn Long Thành huyện Duyên Hải; (3) Mô hình thí điểm giảm thiểu rác thải nhựa và kết nối với mô hình thu gom rác thải nhựa tại 03 Khu dân cư xã Kim Hòa, Nhị Trường và Hiệp Mỹ Tây, huyện Cầu Ngang; tổ chức 04 cuộc hướng dẫn chuyên môn cho huyện Cầu Ngang và huyện Duyên Hải về việc triển khai xử lý các bãi rác; xây dựng cảnh quan môi trường, thu gom, xử lý rác thải; tổ chức 01 lớp tập huấn quản lý nhà nước về môi trường cho đội ngũ công chức, viên chức 03 cấp (cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã) với 350 đại biểu tham dự, trong đó có chuyên đề Những điểm mới về tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025; tổ chức thực hiện 46 chương trình, dự án/nhiệm vụ, trong đó một số nhiệm vụ, dự án có liên quan, góp phần thực hiện tiêu chí NTM có liên quan do Sở Tài nguyên và Môi trường phụ trách bằng nguồn vốn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường khoảng hơn 12 tỷ đồng. Rà soát, đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng các trạm cấp nước, nâng tổng số đến nay tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt 77,2%; Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện 09 chương trình, dự án/nhiệm vụ để thực hiện tiêu chí NTM bằng nguồn vốn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường khoảng 11.139.630.307 đồng. Đến nay, có 71/85 xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, còn lại 14 xã chưa đạt gồm: Xã Đa Lộc, Nguyệt Hóa, Hòa Thuận, Phước Hảo, huyện Châu Thành; xã Tân Bình, Tân An, Đại Phước, huyện Càng Long; xã Tân Sơn, Tập Sơn, An Quảng Hữu, Lưu Nghiệp Anh, Thanh Sơn, Hàm Tân, Đại An, huyện Trà Cú. Lý do các xã này chưa đạt là do chưa đầu tư nâng chất tiêu chí theo Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021 – 2025.

3. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân

- Toàn tỉnh có 3.148,38 ha đất trồng lúa chuyển sang các loại cây trồng khác và nuôi thủy sản (tăng 2,35 lần so với Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 23/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh), cụ thể: Chuyển sang trồng bắp 143,7 ha, đậu phộng 34,5 ha, màu thực phẩm 915 ha, trồng cỏ 97,26 ha, cây hàng năm khác 29,19 ha; chuyển sang trồng cây ăn trái 917,53 ha, dứa 984,34 ha; kết hợp nuôi thủy sản 13,2 ha, chuyên nuôi thủy sản 13,6 ha; cải tạo vườn tạp 69,68 ha; huyện Châu Thành và Trà Cú cải tạo giống tạp 6,7 ha. Huyện Trà cú có 113,25 ha đất trồng mía chuyển sang các loại cây trồng khác, gồm; chuyển sang trồng bắp 02 ha, cỏ 11,2 ha, dứa 20,65 ha, rau củ quả 14,4 ha, lúa 29,4 ha, kết hợp thủy sản 18,5ha, chuyên thủy sản 17,1 ha. Nâng tổng số từ năm 2014 đến nay chuyển đổi 22.165 ha (chuyển sang trồng cây hàng năm 13.324 ha, chuyển sang trồng cây lâu năm 5.421 ha, kết hợp và chuyên nuôi thủy sản 3.420 ha) và có 3.052,72 ha đất trồng mía chuyển đổi sang trồng lúa, màu, trồng cỏ chăn nuôi bò, trồng dứa, cây ăn trái và nuôi thủy sản. Diện tích nuôi tôm thâm canh mật độ cao tiếp tục được nhân rộng, đến nay có 1.114 ha (tăng 230 ha so cùng kỳ) tập trung ở các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải, Trà Cú và thị xã Duyên Hải, năng suất bình quân từ 50-70 tấn/ha; tiếp tục duy trì nuôi tôm sinh thái kết hợp với trồng rừng với diện tích 5.750 ha tập trung chủ yếu ở huyện Duyên Hải và thị xã Duyên Hải. Đến cuối năm 2021, thu nhập bình quân đầu người của tỉnh đạt 62,651 triệu đồng/người/năm.

- Toàn tỉnh có 25.245 ha diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trong đó có nhiều mô hình hay và mang lại hiệu quả như nuôi cấy phôi thực vật nhân cây giống sạch bệnh (dừa sáp), phân bón nano, hệ thống quan trắc - ứng dụng điện toán đám mây, hệ thống tưới nước tự động, bẫy côn trùng thông minh phục vụ công tác dự tính, dự báo sâu bệnh.

➤ *Về Chương trình mỗi xã một sản phẩm:*

Trong năm, đã công nhận thêm 104 sản phẩm mới, nâng sao và tái công nhận 28 sản phẩm. Nâng tổng số đến nay, toàn tỉnh có 184 sản phẩm được công nhận đạt OCOP (09 sản phẩm đạt 5 sao, 38 sản phẩm 4 sao và 137 sản phẩm 3 sao).

➤ *Phát triển các loại hình Kinh tế hợp tác:*

Trong năm đã thành lập mới 23 HTX (vượt 130% kế hoạch đề ra), so cùng kỳ tăng 21%. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 01 Liên hiệp HTX lúa gạo và 173 HTX đang hoạt động, trong đó có 125 HTX nông nghiệp, 32 HTX phi nông nghiệp, 16 Quỹ tín dụng, với vốn điều lệ 166,364 tỷ đồng, thu hút 28.855 thành viên và 30 HTX ngưng hoạt động. Thực hiện theo Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân phân bổ nguồn vốn hỗ trợ chính sách về đầu tư cơ sở hạ tầng cho các hạ mục đầu tư xây dựng đường nhựa, hệ thống sấy lúa, máy xay xát liên hoàn, trạm bơm

liên áp cho các HTX nông nghiệp Rạch Lọp, HTX Nông nghiệp Phú Mỹ Châu, HTX nông nghiệp Phú Cần, HTX vận tải phà Phước Vinh và HTX nông nghiệp Long Hiệp với nguồn vốn ngân sách hỗ trợ 12.176 triệu đồng.

4. Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn luôn được quan tâm đầu tư và phát triển

Toàn tỉnh có 928.641/1.018.636 người tham gia BHYT, đạt 91,17%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi của tỉnh có 5.005/72.687 trẻ, chiếm 6,9%; suy dinh dưỡng thể nhẹ cân có 3.414/72.687 trẻ, còn 4,7%). Sở Y tế tổ chức phúc tra tại 97 xã, phường, thị trấn báo cáo kết quả thực hiện đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2021 theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế, kết quả có 97/97 xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế năm 2021. Sở Y tế đang tổng hợp hồ sơ trình Hội đồng xét công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xem xét để có cơ sở trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận.

5. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng NTM; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân

- Năm 2022, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tổ chức giám sát 4 nội dung: về (1) Giám sát đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên năm 2022 tại Đảng ủy xã Đôn Xuân, huyện Trà Cú và Đảng ủy xã Tân Bình, huyện Càng Long; (2) Giám sát 02 vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài tại UBND xã Ngọc Biên và UBND huyện Trà Cú; (3) Giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; (4) Giám sát việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I (2021 – 2025). Tổ chức thành công 2 hội nghị phản biện là Phản biện đối với dự thảo quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 và phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thường xuyên được kiện toàn và hoạt động đạt hiệu quả. Ban Thanh tra nhân dân đã tổ chức giám sát được 235 cuộc và Ban GSĐTCCĐ cũng đã tổ chức giám sát được 569 cuộc. Qua giám sát, 2 ban cũng đã có 33 kiến nghị và được các đơn vị có liên quan kịp thời khắc phục sau giám sát.

- Thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022. Ban Thường vụ Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh tổ chức phát động, kêu gọi các cấp Hội và toàn thể cán bộ, hội viên phụ nữ trong tỉnh, tích cực hưởng ứng đợt thi đua đặc biệt chào mừng Đại hội do TW Hội phát động, với tên gọi “130 công trình, phần việc vượt khó, sáng tạo, hiệu quả chào mừng Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII”. Qua phát động, các cấp Hội từ tỉnh

đến cơ sở đã đăng ký và thực hiện 125/125 công trình/mô hình/phần việc thiết thực chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII tổng kinh phí thực hiện 11.303.600.000đ. Triển khai thực hiện 10 mô hình sinh kế giảm nghèo bền vững. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Xây dựng “gia đình 5 không, 3 sạch” hoặc “gia đình 5 có, 3 sạch” gắn với xây dựng nông thôn mới, chỉ đạo các cấp Hội tiến hành rà soát hộ gia đình hội viên chưa đạt tiêu chí gia đình 5 không, 3 sạch, có kế hoạch hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ những hộ hội viên chưa đạt thực hiện đạt các tiêu chí “5 không, 3 sạch”, kết quả có 18.768/117.690 hộ gia đình hội viên chưa đạt tiêu chí xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch. Trong năm các cấp Hội đăng ký giúp mới 6.545 hộ, kết quả có 2.792/530 hộ đạt tiêu chí “5 không, 3 sạch”, so chỉ tiêu vượt 5,2 lần chỉ tiêu, nâng tổng số đến nay toàn tỉnh có 119.172/127.235 hộ hội viên đạt 8 tiêu chí 5 không, 3 sạch, đạt 93,66%. Song song đó, hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp đã được các cấp Hội đẩy mạnh thực hiện như hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực cho doanh nghiệp nữ, phụ nữ khởi nghiệp, quản lý hợp tác xã, chủ hộ kinh doanh được hỗ trợ trong năm các cấp Hội tranh thủ sự hỗ trợ từ Dự án SME, tổ chức Wise, Trường Đại học Trà Vinh,... đã tổ chức 15 lớp tập huấn có 450 doanh nghiệp nữ (chỉ tiêu 100 chi/năm), phụ nữ khởi nghiệp tham gia đạt 450% so chỉ tiêu. Song song đó, nhằm giúp nhiều hội viên, phụ nữ có điều kiện tham gia BHXH tự nguyện BHYT hộ gia đình góp phần cùng với cấp ủy, chính quyền địa phương Các cấp Hội đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động đến từng chi, tổ Hội triển khai xây dựng mô hình “Tiết kiệm nuôi heo đất mua BHXH tự nguyện, BHYT hộ gia đình” trở thành phong trào sâu rộng được cán bộ, hội viên, phụ nữ trong toàn tỉnh nhiệt tình hưởng ứng. Qua 01 năm phát động đến nay đã thành lập trên 92 tổ “phụ nữ tiết kiệm nuôi heo đất tham gia BHXH tự nguyện” với hơn 1.622 thành viên, 371 tổ tiết kiệm mua BHYT với gần 12.325 thành viên, đến nay các cấp Hội đã vận động được 4.041 người tham gia BHXH tự nguyện 22.710 người tham gia BHYT hộ gia đình.

- Hội Nông dân tham gia thực hiện sửa chữa 27 km tuyến đường đal liên ấp, phát hoang bụi rậm 596 km đường giao thông nông thôn, sửa chữa 32 cầu bê tông, vận động hội viên nông dân đóng góp 5.444 ngày công lao động. Vận động xây dựng 10 căn nhà tình thương cho hội viên nghèo, với số tiền 480 triệu đồng. Hỗ trợ huyện Cầu Ngang và Duyên Hải, Hội Nông dân tỉnh đã hoàn thành đầu tư dự án lắp đặt 60 công chứa rác thải nông nghiệp tại xã Hiệp Hòa, Long Sơn, Thạnh Hòa Sơn, huyện Cầu Ngang.

- Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 28/01/2022 về việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Trà Vinh năm 2022. Trên cơ sở đó, Sở Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài tỉnh tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã về kỹ năng lãnh đạo, quản lý; bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp hoạt động cho người không chuyên trách cấp xã; bồi dưỡng tập huấn NTM do Bộ Nội vụ tổ chức. Sở Nội vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phụ trách (tiêu chí 18 về Hệ thống

chính trị và tiếp cận pháp luật) theo dõi kiểm tra, thẩm định các xã NTM và NTM nâng cao năm 2021 và phối hợp, tham gia cùng đoàn của tỉnh thẩm tra kết quả xây dựng huyện NTM 02 huyện Cầu Ngang, Duyên Hải.

- Sở Tư pháp phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh xây dựng chuyên mục “Pháp luật và cuộc sống” năm 2022 để truyền thông, PBGDPL thực hiện 05 kỳ phát sóng trên Đài truyền hình Trà Vinh; tổ chức Đoàn công tác đến làm việc nắm tình hình thực hiện chỉ tiêu, tiêu chí chuẩn tiếp cận pháp luật tại các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải, Trà Cú, Càng Long, Châu Thành, Cầu Kè, Tiểu Cần; tổ chức thành công lớp tập huấn xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho hơn 140 đại biểu là thành viên Hội đồng đánh giá công nhận chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện, công chức cấp xã phụ trách các chỉ tiêu, Tiêu chí xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, theo kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng, Sở Tư pháp sẽ tổ chức 01 lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng PBGDPL cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện và tuyên truyền viên pháp luật cấp xã; 05 lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho tập huấn viên cấp huyện, hòa giải viên ở cơ sở và 01 lớp tọa đàm nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở. Đến nay, qua theo dõi kiểm tra, kết quả thực hiện xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật toàn tỉnh có 106 xã, phường, thị trấn cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022.

6. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn

- Lĩnh vực Quốc phòng: Cấp ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chỉ huy các cơ quan, đơn vị thường xuyên quan tâm phối hợp địa phương tích cực tham gia xây dựng cơ sở chính trị ở địa phương vững mạnh, đã tham gia xây dựng 106/106 xã, phường, thị trấn. Cùng cố cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự xã, phường, thị trấn vững mạnh, đến nay đã sắp xếp đủ biên chế cán bộ Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự xã, phường, thị trấn; 100% Chi bộ Quân sự xã có cấp ủy và 100% Chi đoàn Quân sự hoạt động có nền nếp, đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Đến nay, đã xây dựng 106/106 xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng – an ninh. Phối hợp với các cơ quan, ban ngành đoàn thể, cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2022, kết quả trúng tuyển 900 thanh niên đạt 100% kế hoạch. Bên cạnh đó các đơn vị và địa phương tặng quà cho thanh niên lên đường nhập ngũ là 900 suất với số tiền hơn 1,8 tỷ đồng; tặng sổ tiết kiệm là 311 sổ với số tiền 695 triệu đồng. Thực hiện xây dựng tuyến đường “sáng, xanh, sạch, đẹp”, đã tổ chức trồng hoa 15.135 cây Hoàng Yến, Bông Giấy, Bông trang... với chiều dài trên 95 km. Các cơ quan, đơn vị và Ban CHQS huyện, thị xã, thành phố, đã đăng ký 12 tuyến đường theo quy định, đã trồng các loại cây, hoa kiểng, đồng thời thường xuyên chăm sóc, vệ sinh, tạo cảnh quang môi trường “sáng, xanh, sạch, đẹp”. Thực hiện phong trào thi đua “*LLVT tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới*” được cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, đơn vị đề cao vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, đạt được hiệu quả thiết thực, hoàn thành các tiêu chí mà nghị quyết đã đề ra; trên cơ sở tiêu chí xây dựng gia đình văn

hoá, NTM, cán bộ LLVT tỉnh đã đăng ký phấn đấu, đến nay, LL thường trực 100%; LL DQTV 95,75%; LL DBĐV 93,15%.

- Lĩnh vực An ninh: Quán triệt, thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Công an và Ban Chỉ đạo tỉnh đã chỉ đạo Công an các đơn vị, huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện nội dung công tác xây dựng NTM cho toàn thể cán bộ cơ sở và lực lượng Công an xã quán triệt được 42 cuộc với 2.405 lượt đồng chí tham dự. Đồng thời, chỉ đạo Công an huyện, thị xã, thành phố tiếp tục thực hiện tốt Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an Quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT (nay là Thông tư số 24/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an). Đến nay, toàn tỉnh có 755/756 ấp, khóm (đạt 99,86%) và 105/106 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn “An toàn về ANTT năm 2022 (đạt 99,05%).

B. ĐÁNH GIÁ CHUNG

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

- Được sự quan tâm, hỗ trợ của Trung ương và quán triệt các chủ trương, ý kiến kết luận chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, đơn vị, địa phương và các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh.

- Các văn bản hướng dẫn của Trung ương, tỉnh cơ bản đáp ứng theo yêu cầu để triển khai thực hiện hiện Chương trình.

- Các ban, ngành đã tích cực chủ động sáng tạo trong công tác tham mưu và trực tiếp thực hiện tốt các nội dung chương trình xây dựng NTM theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Chương trình MTQG xây dựng NTM đã trở thành phong trào được cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân đồng tình ủng hộ, tích cực tham gia bằng hành động, việc làm cụ thể và đạt được kết quả tích cực.

II. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

- Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng NTM, các bộ tiêu chí xã, huyện NTM; các hướng dẫn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025 của các Bộ, ngành Trung ương và các sở, ngành tỉnh chậm ban hành các văn bản áp dụng trên địa bàn tỉnh, nhất là văn bản hướng dẫn thực hiện các tiêu chí NTM, văn bản về giải ngân vốn,...

- Một số xã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016 – 2020 sau khi ra soát, đánh giá theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 – 2025 nhiều tiêu chí của các xã, huyện không đáp ứng nội dung của Bộ tiêu chí.

- Về nguồn vốn: Nguồn thu ngân sách địa phương còn hạn chế, trong khi nhu cầu về nguồn lực để tổ chức thực hiện chương trình là rất lớn, yêu cầu Bộ tiêu chí cao hơn. Nguồn vốn để thực hiện chương trình chủ yếu phụ thuộc vào

ngân sách Nhà nước (xã hội hóa hạn chế), nên các địa phương còn gặp khó khăn trong thực hiện các công trình phục vụ xây dựng NTM.

- Công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch còn chậm, chưa đáp ứng cho yêu cầu xây dựng NTM, mặt khác công tác quản lý quy hoạch chưa chặt chẽ nên xảy ra tình trạng nhiều địa phương chuyển đổi thiếu kiểm soát tạo ra nhiều rủi ro. Hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học được xem là giải pháp đột phá, nhưng hiệu quả chưa cao, bộc lộ nhiều hạn chế do đó khó khăn trong gắn kết với thị trường.

- Việc đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất và các loại hình kinh tế nông thôn còn chậm; thiếu doanh nghiệp có năng lực tham gia đầu tư nhiều vào nông nghiệp và nông thôn, tham gia liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ, chủ yếu là chỉ tham gia liên kết để bán vật tư đầu vào.

- Các xã chưa có cán bộ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM chủ yếu là kiêm nhiệm.

- Công tác phối hợp tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia còn hạn chế, nhất là nội dung vận động tham gia BHYT, người dân còn chủ quan và chưa thấy được hiệu quả của việc tham gia BHYT.

- Công tác vệ sinh môi trường, nhất là chất lượng môi trường sống chưa được thực hiện tốt, ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường trong nhân dân còn hạn chế. Tình trạng chăn nuôi gia súc gia cầm, nuôi trồng thủy - hải sản gây ô nhiễm môi trường còn xảy ra ở một số nơi.

2. Nguyên nhân của hạn chế

- Năm 2022 là năm gần như năm đầu thực hiện giai đoạn 2021-2025 nên Bộ, ngành chậm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện, kéo theo Sở, ngành tỉnh chậm hướng dẫn cho huyện, xã.

- Công tác tuyên truyền, vận động chưa sâu, chưa làm chuyển biến nhiều trong thực hiện Chương trình, nhất là trong thực hiện cảnh quan môi trường.

- Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 có nhiều nội dung mới, mức độ đạt cao hơn, trong khi đó nguồn lực hạn chế.

- Tư tưởng chủ quan, trông chờ, ỷ lại, thiếu chủ động đề ra kế hoạch của một số địa phương cũng là nguyên nhân làm cho phong trào thiếu tính lôi cuốn, đưa đến tình trạng một số ấp, xã văn hóa, NTM chưa đạt chất lượng cao.

- Một số địa phương thỏa mãn với thành tích đạt được, nhất là các địa phương đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (*NTM cấp xã, NTM cấp huyện*), từ đó thiếu sự quyết tâm, quyết liệt.

- Công tác hướng dẫn, chỉ đạo địa phương thực hiện các nội dung tiêu chí thuộc lĩnh vực quản lý của một số sở, ngành chưa thường xuyên, chưa có sự phối hợp chặt chẽ.

- Công tác kiểm tra, giám sát, uốn nắn, nhắc nhở có nơi buông lơi, nhất là các xã, huyện đã đạt chuẩn NTM; Sự phối hợp giữa một số ngành tỉnh và cấp huyện chưa chặt chẽ, thường xuyên.

C. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2023

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh, chú trọng thực hiện xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu và thực hiện NTM từ tỉnh đến cơ sở được đồng bộ, gắn với thực hiện có hiệu quả tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hoá, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hoá truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

- Có thêm 01 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM (huyện Trà Cú), đạt 100% và 01 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM nâng cao (huyện Cầu Kè), đạt 11,11%; có thêm 10 xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao (*Hòa An, huyện Cầu Kè; Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải; Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải; Hiệp Mỹ Tây, Hiệp Hòa, huyện Cầu Ngang; Tập Sơn, huyện Trà Cú; Tập Ngãi, huyện Tiểu Cần; Tân An, An Trường A, huyện Càng Long; Mỹ Chánh, huyện Châu Thành*). Cùng 03 xã đăng ký phấn đấu đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2023 (*Phong Thạnh, huyện Cầu Kè; Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần và Long Hiệp, huyện Trà Cú*), đạt 50%.

- Phấn đấu có thêm ít nhất 02 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

- Phấn đấu 70% số xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao đều được nâng chất theo đúng quy định của Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

- Phấn đấu tăng tỷ lệ áp văn hóa và áp NTM lên mức 100%; Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa, NTM lên mức 98% (các xã đã đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu phải đạt ít nhất 01 áp NTM kiểu mẫu).

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành

- Thường xuyên cập nhật, kiên toàn Ban Chỉ đạo, Hội đồng thẩm định các cấp trong quá trình thực hiện.

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp và hướng dẫn thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh các văn bản hướng dẫn cụ thể từng tiêu

chí do đơn vị quản lý, phụ trách để thực hiện chương trình trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương giai đoạn 2021-2025.

- Chỉ đạo huyện Cầu Kè, Trà Cú xây dựng, thực hiện kế hoạch huyện NTM, NTM nâng cao năm 2023.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện của các địa phương và tổng hợp báo cáo kết quả về Ban Chỉ đạo tỉnh (*thông qua Văn phòng Điều phối NTM tỉnh*) theo quy định.

2. Nâng cao hiệu quả công tác thi đua, tuyên truyền

- Tiếp tục xác định công tác tuyên truyền, vận động là việc làm thiết thực, thường xuyên và liên tục. Các ngành, các cấp tổ chức quán triệt, tuyên truyền các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về xây dựng nông thôn mới, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025 để cán bộ, đảng viên và Nhân dân hiểu rõ quan điểm chỉ đạo, mục đích, yêu cầu nội dung giải pháp trong xây dựng NTM. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, tiên phong, tích cực tham gia xây dựng NTM.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, thường xuyên cập nhật, đưa tin về các mô hình, các điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay về xây dựng NTM trên các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến và nhân rộng. Song song đó, kịp thời uốn nắn những biểu hiện sai lệch, chạy theo thành tích trong quá trình thực hiện Chương trình.

- Tiếp tục thực hiện phong trào thi đua “Trà Vinh cùng cả nước chung sức xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025” và các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”, “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”, xây dựng cảnh quan môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp. Có cơ chế bình xét, khen thưởng nhằm khuyến khích mọi tầng lớp Nhân dân và hệ thống chính trị thi đua đạt các mục tiêu của Chương trình; tổ chức tôn vinh doanh nghiệp, doanh nhân, hợp tác xã, cá nhân tiêu biểu có nhiều đóng góp trong xây dựng NTM, NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu.

3. Công tác đào tạo, tập huấn

Tiếp tục thực hiện đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp trong tỉnh, nhất là cấp xã; ưu tiên các chuyên đề hướng dẫn triển khai các nội dung, quy định mới của Trung ương, của tỉnh ban hành cho giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể: Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình; quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; hướng dẫn thực hiện các bộ tiêu chí; Quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị công nhận xã, huyện đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu,...

4. Phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp; đẩy mạnh thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

Đẩy mạnh tiến độ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất; khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương; khuyến khích, hỗ trợ phát triển liên doanh, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị bền vững, sản xuất theo quy mô hàng hóa lớn, nhất là đối với các ngành hàng chủ lực của tỉnh. Quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho các HTX nông nghiệp phát triển, ưu tiên các HTX có mô hình sản xuất hiệu quả, áp dụng công nghệ cao, có liên doanh, liên kết hiệu quả. Xây dựng các mô hình phát triển kinh tế du lịch gắn với phát triển sản xuất nông nghiệp tại địa phương như: Mô hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn,...; tập trung thực hiện có hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) theo hướng nâng cao chất lượng gắn với xây dựng thương hiệu, tăng khả năng cạnh tranh và hướng đến xuất khẩu; ưu tiên, tập trung chỉ đạo các xã chưa có sản phẩm đạt OCOP.

5. Đẩy mạnh phát triển giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường và xây dựng đời sống văn hóa, giữ vững an ninh trật tự xã hội ở nông thôn

- Tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ Nhân dân thực hiện các nội dung về phát triển văn hóa xã hội, môi trường, đảm bảo an ninh trật tự ở nông thôn. Xây dựng nhiều mô hình áp văn hóa, NTM hướng đến xây dựng áp NTM kiểu mẫu và xã NTM kiểu mẫu.

- Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; đảm bảo duy trì tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường theo chỉ tiêu được giao; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh; tăng cường tuyên truyền vận động hộ gia đình tham gia mua BHYT tự nguyện, đồng thời thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế cho người dân nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Duy trì và nâng cao các tiêu chí trong xây dựng chuẩn quốc gia về y tế xã.

- Giữ gìn an ninh trật tự ở nông thôn; chú trọng xây dựng và nhân rộng mô hình tự quản về an ninh trật tự ở khu dân cư; phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể và người có uy tín trong cộng đồng.

6. Về tăng cường thu hút các nguồn lực xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng ở nông thôn

- Tiếp tục thực hiện huy động nguồn lực cho xây dựng NTM để nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và nâng cao đời sống của người dân trên địa bàn xã, ấp, ưu tiên đối với các lĩnh vực: Giao thông, điện, trường học, trạm y tế, nước sạch,...Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án của Trung ương đảm bảo đồng bộ, tránh trùng lặp, lãng phí. Đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực, huy động nguồn lực tại chỗ, phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng NTM, vận động các tổ chức, doanh nghiệp đóng góp cùng chung sức xây dựng NTM. Tận dụng nâng cấp các công trình hiện có, bảo tồn các công trình lịch sử, văn hóa.

- Bố trí ngân sách địa phương các cấp (*tỉnh, huyện*), tiếp tục huy động từ nhiều nguồn lực, bao gồm: Nguồn vốn tín dụng, các nguồn lực khác từ các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, từ xã hội, nguồn vốn đóng góp của Nhân dân, các nguồn lực hợp pháp của các cá nhân, tổ chức quốc tế để cùng với nguồn lực từ ngân sách nhà nước tập trung đầu tư cho hạ tầng nông thôn và các mục tiêu xây dựng NTM.

7. Đề nghị Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG và Phong trào toàn dân đoàn kết XDĐSVH các huyện, thị xã, thành phố:

Chỉ đạo các Phòng, Ban, ngành huyện và Ban Chỉ đạo các xã rà soát, đánh giá các tiêu chí huyện NTM, xã NTM, xã NTM nâng cao và thực hiện nâng chất đảm bảo đạt theo quy định giai đoạn 2021-2025 và hoàn chỉnh hồ sơ đối với các xã đã đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu trình tỉnh thẩm định xét công nhận.

Trên đây là kết quả triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023./. Tiền

Nơi nhận:

- BCĐ TW (b/c);
- Văn Phòng Điều phối NTM TW (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Trưởng BCĐ tỉnh;
- Thành viên BCĐ tỉnh;
- BCĐ các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Điều phối NTM;
- Lưu: VT, VPĐP.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**




**GIÁM ĐỐC SỞ NN VÀ PTNT
Trần Trường Giang**

CÁC VĂN BẢN TỈNH BAN HÀNH NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 354/BC-BCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023)



STT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Nội dung trích yếu
1	Nghị quyết	03/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2020	Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách Trung ương và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025
		54/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Nghị quyết thông qua Đề án xây dựng tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025
		1000/QĐ-UBND ngày 07/6/2022	Về việc thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
		1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022	Ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025
		1186/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	Về việc kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
		59/QĐ-BCĐ ngày 26/7/2022	Về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
		1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
		1416/QĐ-UBND ngày 28/7/2022	Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
		1417/QĐ-UBND ngày 28/7/2022	Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
		1618/QĐ-UBND ngày 05/8/2022	Về việc thành lập Ban xây dựng "Đề án xây dựng tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025

2	Quyết định 	1659/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	Phân công nhiệm vụ các sở, ban, ngành tỉnh phụ trách hướng dẫn, hỗ trợ địa phương thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc các Bộ tiêu chí; Xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu; huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025
		72/QĐ-BCĐ ngày 05/9/2022	Ban hành Chương trình Truyền thông phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
		2121/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	Về việc thành lập Đoàn thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu; thẩm tra huyện đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
		2122/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	Ban hành Bộ tiêu chí áp nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
		2123/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	Ban hành tiêu chuẩn "Ấp văn hóa; Ấp nông thôn mới"; Gia đình văn hóa, nông thôn mới" trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
		2207/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Trà Vinh đến năm 2025
		2211/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	Ban hành Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
		2212/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
		2291/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
3	Kế hoạch	45/KH-BCĐ ngày 22/6/2022	Phân công thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ huyện Cầu Ngang và huyện Duyên Hải đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022
		66/KH-BCĐ ngày 22/8/2022	Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh năm 2022

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN TRONG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số **354** /BC-BCĐ ngày **28** tháng **4** năm 2023)



STT	Các Sở, ngành	Số cuộc	Lượt người tham dự	Nội dung
	Ban Dân tộc	38	1.900	Tuyên truyền các chính sách pháp luật về dân tộc; bình đẳng giới vùng dân tộc; tảo hôn và hôn nhân cận huyết;
	Bộ Chỉ huy Quân sự	74	2.590	Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025, Luật Quốc phòng, Luật giáo dục QP-AN, Luật NVQS, Luật DQTV, Luật DBĐV; các nghị quyết, chỉ thị, thông tư, hướng dẫn của trên về thực hiện các Luật và công tác dân vận,...
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	150	60.850	Các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa nông thôn mới, ý nghĩa nội dung các tiêu chuẩn xây dựng gia đình văn hóa, nông thôn mới, ấp văn hóa, ấp nông thôn mới; cơ quan đơn vị, doanh nghiệp, văn hóa.
	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh	12.856	642.800	Tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, nhất là cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.
	Hội Nông dân tỉnh	1.476	25.953	Các văn bản của Tỉnh ủy, Trung ương Hội, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025; phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững.
	Liên minh HTX	46	2.284	Luật HTX 2012, các chính sách khuyến khích phát triển HTX, THT,...
9	Ban Chỉ đạo các huyện, xã	1.223	25.175	Nội dung 19 tiêu chí xã nông thôn mới, xã văn hóa; các tiêu chuẩn ấp văn hóa, ấp nông thôn mới; tiêu chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới; bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao; vận động chỉnh trang cảnh quang môi trường; xây dựng hồ xí hợp vệ sinh, xây dựng hàng rào cây xanh, phát hoang bụi rậm các tuyến đường giao thông nông thôn,...
Tổng cộng		15.863	761.552	

**KẾT QUẢ RA SOÁT 09 TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI CỦA CÁC HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH THEO
QUYẾT ĐỊNH 1039/QĐ-TTG NGÀY 15/6/2022 CỦA UBND TỈNH**
(Kèm theo Báo cáo số 354/BC-BCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023)



TT	Huyện	Tiêu chí đánh giá theo Bộ tiêu chí Huyện NTM 2021 - 2025	Tiêu chí									Ghi chú
			TC1 Quy hoạch	TC2 Giao thông	TC3 Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	TC4 Điện	TC5 Y tế - Văn hóa - Giáo dục	TC6 Kinh tế	TC7 Môi trường	TC8 Chất lượng môi trường sống	TC9 Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công	
1	Tiểu Cần	6	X	X	X	X				X	X	
2	Cầu Kè	4	X		X	X				X		
3	Càng Long	7	X	X	X	X		X	X	X		
4	Châu Thành	5	X	X	X	X					X	
5	Cầu Ngang	9	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
6	Duyên Hải	9	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
7	Trà Cú	4	X	X	X	X						
Tổng cộng			7	6	7	7	2	3	3	5	4	

4	Long Toàn	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
5	Hiệp Thành	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
IX	Tp. Trà Vinh				1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
1	Long Đức	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
Tổng cộng					83	75	85	85	82	83	85	85	84	85	67	81	49	85	53	84	71	82	85



**KẾT QUẢ 19 TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO CỦA CÁC XÃ TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH TRÀ VINH THEO QUYẾT ĐỊNH 1306/QĐ-TTG NGÀY 13/7/2022 CỦA UBND TỈNH**
(Kèm theo Báo cáo số 354/BC-BCD ngày 28 tháng 4 năm 2023)



TT	Huyện/xã	Tiêu chí đạt	Tiêu chí																		
			TC1 Quy hoạch	TC2 Giao thông	TC3 Thủy lợi và phòng chống thiên tai	TC4 Điện	TC 5 Giáo dục	TC6 Văn hóa	TC7 Cơ sở hạ tầng thương mại NT	TC8 Thông tin và truyền thông	TC9 Nhà ở dân cư	TC10 Thu nhập	TC11 Nghèo đa chiều	TC12 Lao động	TC13 Tổ chức SX và phát triển KTNT	TC14 Y tế	TC15 Hành chính công	TC16 Tiếp cận pháp luật	TC17 Môi trường	TC18 Chất lượng môi trường sống	TC19 Quốc phòng và An ninh
I	CHÂU THÀNH		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	
1	Hung Mỹ	19	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
2	Hòa Minh	19	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
3	Lương Hòa A	19	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
II	TIÊU CÀN		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
4	Hiếu Trung	19	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
III	CÀNG LONG		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	
5	Mỹ Cẩm	19	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	
6	Phương Thanh	19	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
IV	CẦU KÈ		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	2	2	2	2	
7	Châu Điền (phần đầu)	19	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	
8	Hoà Tân	19	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	
V	CẦU NGANG		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
9	Vinh Kim (phần đầu)	19	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
VI	DUYÊN HẢI		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
10	Long Khánh	19	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
VII	TX. DUYÊN HẢI		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
11	Trường L Hòa	19	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
12	Long Hữu (phần đầu)	19	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
Tổng cộng			12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	10	11	12	12	12	12	



**KẾT QUẢ 19 TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO CỦA CÁC XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THEO
QUYẾT ĐỊNH 1306/QĐ-TTĐ NGÀY 13/7/2022 CỦA UBND TỈNH**
(Kèm theo Báo cáo số 554/BC-BCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2023)

TT	Huyện/xã	Tiêu chí đánh giá theo Bộ tiêu chí 16-20	Tiêu chí đánh giá theo Bộ tiêu chí 21-25	Số tiêu chí tăng/giảm	Tiêu chí																		
					TC1 Quy hoạch	TC2 Giao thông	TC3 Thủy lợi và phòng chống thiên tai	TC4 Điện	TC5 Giáo dục	TC6 Văn hóa	TC7 Cơ sở hạ tầng thương mại NT	TC8 Thông tin và truyền thông	TC9 Nhà ở dân cư	TC10 Thu nhập	TC11 Nghèo đa chiều	TC12 Lao động	TC13 Tổ chức SX và phát triển KTNT	TC14 Y tế	TC15 Hành chính công	TC16 Tiếp cận pháp luật	TC17 Môi trường	TC18 Chất lượng môi trường sống	TC19 Quốc phòng và An ninh
I	CÀU KÈ				12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	
1	Ninh Thới	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
2	Tam Ngãi	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
3	An Phú Tân	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
4	Thông Hòa	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
5	Phong Phú	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
6	Thanh Phú	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
II	CÀU NGANG																						
7	Hiệp Mỹ Đông	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
8	Mỹ Long Bắc	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
9	Mỹ Long Nam	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
III	DUYÊN HẢI				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
10	Đông Hải	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
11	Long Vĩnh	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
IV	TIÊU CÀN																						
12	Hiếu Tử	19	15	-4		X	X	X	X	X	X	X	X		X		X		X	X	X	X	
13	Phú Càn	19	13	-6		X	X	X		X	X		X	X	X				X	X	X	X	
14	Long Thới	19	14	-5			X	X	X	X	X	X	X		X		X		X	X	X	X	
15	Tân Hùng	19	15	-4		X	X	X	X	X	X	X	X		X	X			X	X	X	X	
16	Hùng Hòa	19	13	-6			X	X	X	X	X		X	X	X				X	X	X	X	
17	Tân Hòa	19	15	-4		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X				X	X	X	X	
V	CÀNG LONG																						
18	An Trường	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
19	Nhị Long Phú	19	10	-9	X				X	X	X	X		X	X	X					X	X	
20	Tân Bình	19	14	-5	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X				X		X	X	
21	Đại Phước	19	13	-6	X		X	X		X	X	X	X	X	X			X	X		X	X	
22	Đức Mỹ	19	14	-5	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X			X	X		X	X	



KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÃ, ẤP, HỘ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022
(Đình kèm Báo cáo số 354 /BC-BCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2023)

TT	Tên xã	Tổng số xã của huyện	Xã đạt chuẩn NTM			Ấp, hộ gia đình văn hóa nông thôn mới				Ghi chú
			Số xã	Tên xã	Tỷ lệ (%)	ấp VH, NTM	Tỷ lệ (%)	hộ gia đình VH, NTM	Tỷ lệ (%)	
1	Huyện Càng Long	13	13	Nhị Long Phú, An Trường, Tân Bình, Mỹ Cẩm, Đại Phước, Đức Mỹ, Đại Phúc, Phương Thạnh, Tân An, An Trường A; Bình Phú; Nhị Long; Huyện Hội	100	107	96,4	29.987	92,60	
2	Huyện Cầu Ngang	13	13	Mỹ Long Nam, Hiệp Mỹ Đông, Mỹ Long Bắc, Hiệp Mỹ Tây, Vinh Kim, Kim Hòa, Hiệp Hòa, Mỹ Hòa, Nhị Trường, Thạnh Hòa Sơn, Thuận Hòa, Trường Thọ, Long Sơn	100	88	97,8	30.851	94,41	
3	Huyện Cầu Kè	10	10	An Phú Tân, Ninh Thới, Thạnh Phú, Thông Hòa, Tam Ngãi, Châu Điền, Phong Phú, Hòa Ân, Hòa Tân, Phong Thạnh.	100	61	100	28.310	95,80	
4	Huyện Châu Thành	13	13	Hung Mỹ, Hòa Minh, Lương Hòa A, Hòa Thuận, Nguyệt Hóa, Long Hòa, Thanh Mỹ, Mỹ Chánh, Lương Hòa, Song Lộc; Đa Lộc, Hòa Lợi, Phước Hào	100	103	100	36.897	95,32	

5	Huyện Duyên Hải	6	Đông Hải, Long Vĩnh, Long Khánh, Ngũ Lạc, Đôn Xuân, Đôn Châu	100	51	94,4	18.315	95,68
6	TX. Duyên Hải	5	Dân Thành, Long Hữu, Trường Long Hòa, Hiệp Thạnh, Long Toàn	100	26	100	9.181	99
7	Huyện Trà Cú	15	12 Tân Sơn, Ngọc Biên, Tập Sơn, Đại An, Định An, Lưu Nghiệp Anh, Phước Hưng, Hàm Tân, Long Hiệp, An Quảng Hữu, Tân Hiệp, Thanh Sơn	80	115	100	36.546	97,29
8	Huyện Tiểu Cần	9	9 Phú Cần, Tập Ngãi, Hiếu Trung, Tân Hùng, Hiếu Từ, Long Thới, Hùng Hòa, Ngãi Hùng, Tân Hòa	100	69	100	24.479	97,16
9	TP. Trà Vinh	1	1 Long Đức	100	12	100	5.124	97,60
Tổng cộng		85	82		632	98,60	219.690	95,61

